🟢 1. Hiện tại đơn (Present Simple)

🔹 **Cấu trúc bị động:**

🔸 Khẳng định: **S + is/am/are + V3/ed (+ by O)**

🔸 Phủ định: **S + is/am/are + not + V3/ed**

🔸 Nghi vấn: **Is/Am/Are + S + V3/ed...?**

📌 *Example:*

Active: They **clean** the classroom every day.

Passive: The classroom **is cleaned** every day.

✍️ **Bài tập 1: Viết lại các câu sau sang bị động**

1. She waters the flowers every morning. => _____
2. They deliver the newspaper at 6 a.m. => _____
3. People speak English in many countries. => _____
4. Tom doesn't open the window. => _____
5. Do they make these cakes by hand? => _____

🟡 2. Hiện tại tiếp diễn (Present Continuous)

🔹 **Cấu trúc bị động:**

🔸 Khẳng định: **S + is/am/are + being + V3/ed**

🔸 Phủ định: **S + is/am/are + not + being + V3/ed**

🔸 Nghi vấn: **Is/Am/Are + S + being + V3/ed...?**

📌 *Example:*

Active: She **is painting** the wall.

Passive: The wall **is being painted**.

LIVEWORKSHEETS

✍️ **Bài tập 2: Viết lại các câu sau sang bị động**

1. He is fixing the bike. => _____
2. They are building a new house. => _____
3. She is writing a letter now. => _____
4. The students are not doing the homework. => _____
5. Is she reading the book? => _____

LIVEWORKSHEETS